

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Đỗ Ngọc Thắng

2. Bà Nguyễn thị Cương

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế - bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 19/02/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 06/01/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS, ngày 05/02/2020 đối với bị cáo:

Họ tên: Nguyễn Văn H, sinh năm 1996; Tên gọi khác: Không có;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản Đ, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông: Nguyễn Văn B (đã chết); Con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con hai.

Tiền án: Tại Bản án số 05/2018/HSST ngày 17/01/2018, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/12/2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/9/2019, bị tạm giam từ ngày 26/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:**

- Anh Vũ Quyết T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn khởi tố và đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn (có đơn xin vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trịnh Quang T2, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Vũ Văn V, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Cao Đại S, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Đ xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Trần Văn T3, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: phố G, thị trấn G, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Lê Xuân K, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án diễn biến tại phiên tòa thì vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 25/4/2019, anh Vũ Quyết T1, ở thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc biển kiểm soát 98E1 - 341.97 từ nhà đến thành phố Bắc Giang chơi thì gặp Nguyễn Văn H, ở bản Đ, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và anh Lê Xuân K, ở thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó anh T1 có giao chìa khóa xe mô tô cho H để H chở anh T1 và K lên nhà anh Nguyễn Văn M ở C, Y chơi và uống rượu ở đó. Đến khoảng 23 giờ c ngày, H điều khiển xe mô tô chở anh T1 và anh K về Bắc Giang, khi đi đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y thì xe mô tô của anh T1 hết xăng nên H, anh T1 và anh K vào nhà nghỉ K thuộc thôn P, xã P, huyện Y thuê phòng số 201 để nghỉ. Sau khi vào phòng nghỉ H để chìa khóa xe ở đầu giường rồi đi tắm còn anh T1 lên giường ngủ. Sau khi H tắm xong thì lúc này do không có tiền đi chơi nên H nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô của anh T1 đi cầm cố. H dùng tay đập nhẹ vào người anh T1 hỏi mượn xe nhưng anh Thắng ngủ say không dậy, nên H lấy chìa khóa xe của anh Th1 rồi điều khiển xe chở anh K đi chơi. Trên đường đi, H gọi điện thoại cho Trần Văn T3, sinh năm

1993 ở phố G, thị trấn B, huyện Y hỏi chỗ cầm xe thì Trần Văn T3 bảo H đến nhà đón T1 cùng đi. Sau khi đón được Trần Văn T3, H chở anh K và Trần Văn T3 đến nhà anh Trịnh Quang T2 ở phố T, thị trấn B, huyện Y để cầm cố chiếc xe mô tô trên. Khi gặp anh T2, H bảo anh T2 “Anh cầm cho em chiếc xe này”. Anh T2 hỏi H “Xe có giấy tờ không”, H trả lời “Xe có giấy tờ nhưng em để ở nhà” T2 nói “thế thì chỉ cầm được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mai mang giấy tờ xe sang thì anh cầm thêm tiền cho” thì anh T2 đồng ý nhận cầm cố chiếc xe trên cho H với số tiền 10.000.000 đồng và cắt lại 1.000.000 đồng tiền lãi. Do không có tiền mặt nên anh T2 đưa thẻ ATM cho Trần Văn T3 để đi rút tiền. Sau khi rút được số tiền 9.000.000 đồng, Trần Văn T3 đã đưa cho H số tiền trên rồi c H và anh K đi chơi. Đến sáng ngày 26/4/2019 thì Trần Văn T3 đi về còn H và anh K về phòng 201 nhà nghỉ K. Khi về phòng, anh Vũ Quyết T1 có hỏi H xe mô tô đâu, do H đã tiêu hết số tiền cầm xe của anh T1 nên H tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T1. H nói dối anh T1 là đã cầm xe với số tiền 20.000.000 đồng và bảo phải mang giấy tờ xe sang ngay không thì bị bán mất xe. Anh T1 tin là H nói thật nên anh T1 cùng H và anh Khánh đi đến nhà anh T2. Khi đến nhà anh T2, H bảo anh T1 “Anh vào đưa giấy tờ là được”. Anh T1 đồng ý và vào trong nhà đưa giấy tờ cho anh T2 rồi đi ra ngoài. Lúc này, anh T1 nói với H “Không phải xe chính chủ thì anh không cầm thêm tiền được”, H nói với anh T2 cứ cầm giấy tờ xe để H gọi bố của H xuống chuộc xe, nếu bố H xuống chuộc xe thì bảo cầm hai mươi triệu sau đó đưa số tiền thừa cho H thì anh T2 đồng ý. Sau đó H và anh T1 có nhờ anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973 ở bản n, xã c, huyện y nhờ chuộc xe hộ. Anh M lại nhờ anh Cao Đại S, sinh năm 1984 ở bản Đ, xã c, huyện y chuộc xe hộ H. Sau đó, anh S đã mang 20.000.000 đồng đến nhà anh T2 và chuộc lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1 - 341.97. Sau khi chuộc được xe, anh Sơn yêu cầu anh Vũ Quyết T1 viết giấy vay số tiền 20.000.000 đồng và giữ lại xe của anh T1, khi nào anh T1 trả đủ tiền thì anh S sẽ trả xe. Sau khi viết xong giấy vay tiền, anh T1 lại yêu cầu H viết giấy mượn xe mô tô và hẹn đến ngày 05/5/2019 phải chuộc xe từ chỗ anh S để trả cho anh T1. Sau đó H, anh Thắng, anh Sơn đi về. Sau khi về, H gọi điện thoại cho anh Bùi Tá P, sinh năm 1987 ở thôn C, xã T, huyện T (là bạn H) đến nhà anh T2 lấy hộ H số tiền 10.000.000 đồng thì anh Phương đồng ý. Sau đó H tiếp tục gọi điện nhờ anh Trần Văn T3 lấy tiền hộ từ anh P thì anh T1 đồng ý. Sau khi nhận được số tiền 10.000.000 đồng từ Trần Văn T1, H đã tiêu xài hết số tiền đó và không chuộc được xe mô tô để trả cho anh T1. Đến ngày 28/4/2019, ông Vũ Văn V, sinh năm 1963 ở thôn K, xã T, huyện L (là bố đẻ của anh Vũ Quyết T1) đã đến gặp anh S và chuộc lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1- 341.97 với số tiền 20.500.000 đồng.

Ngày 06/5/2019, anh Vũ Quyết T1 đã có đơn trình báo đến Công an xã P, Công an huyện Y đề nghị xem xét giải quyết. Ngày 23/9/2019, Nguyễn Văn H

bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y giữ khẩn cấp.

Ngày 28/5/2019, anh Vũ Quyết T1 giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Văn V và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 98E1- 341.97.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 21/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, biển kiểm soát 98E1-341.97 có giá là 24.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 06/CT-VKS-YT ngày 06/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 175 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thực hành quyền công tố đã luận tội đối với các bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm b, Khoản 1, Điều 175; điểm h, khoản 1 điều 52, điểm s, khoản 1 điều 51, Điều 50, Điều 38 xử phạt Nguyễn Văn H từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 1 điều 174; Điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1 điều 52, Điều 38; Điều 50; Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn H từ 10 đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .

Áp dụng điểm a, khoản 1 điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc H phải chấp hành hình phạt chung cho 2 tội từ 22 đến 27 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 23/9/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, Điều 589 bộ luật dân sự. Buộc bị cáo H phải bồi thường cho ông Vũ Văn V số tiền 20.500.000đ

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có gì tranh luận với Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan... không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn H đều thừa nhận.

Khoảng 23h ngày 25/4/2019, tại phòng 201 của nhà nghỉ H, thuộc thôn P, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi được anh Vũ Quyết T1 giao cho chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 98E1-341.97, Do không có tiền chi tiêu. H đã nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô của anh T1 đi cầm cố cho anh Trịnh Quang T2 để lấy số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau khi lấy được tiền H đã chi tiêu cá nhân hết, hành vi của H đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm b, khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự. Đến sáng ngày 26/4/2019 do không còn tiền chi tiêu H tiếp tục nói dối anh T1 là H cầm xe 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và bảo anh T1 phải mang giấy tờ xe sang ngay nếu không sẽ bị bán mất xe. Tin lời H nói là thật anh Thắng đã mang giấy tờ xe và nhờ người mang tiền sang chuộc xe, H đã chiếm đoạt tiếp số tiền 10.000.000đ của anh Vũ Quyết T1. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, H đã chi tiêu cá nhân hết không có khả năng trả lại tài sản cho anh T1 Hành vi của H đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

Chiếc xe trên đã được hội đồng định giá tố tụng huyện Y xác định giá trị xe là 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng).

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu, biên bản định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Điều đó có đủ cơ sở chắc chắn khẳng định: Cáo trạng 06/CT-VKS-YT ngày 06/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, khoản 1 điều 175 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi một cách liều lĩnh táo bạo, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy cần phải có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2018 bị Tòa án V xử 15 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nay chưa được xóa án tích. Do đó bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự .

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có một tiền án về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tháng 12/2018 mới ra trại, trở về địa phương chưa lâu đến tháng 4/2019 tiếp tục phạm tội cùng loại tội. Điều đó chứng tỏ rằng bị cáo là con người khó giáo dục, có ý thức coi thường pháp luật. Do vậy lần phạm tội này cần có mức án thật nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Vũ Văn V yêu cầu bị cáo phải bồi thường ông số tiền 20.500.000 đồng mà ông đã bỏ ra để chuộc xe mô tô. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho ông V. Nay cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông V số tiền đã chuộc xe.

Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần án dụng khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1 - 341.97 là tài sản hợp pháp của ông Vũ Văn V; Ngày 28/6/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông V chiếc xe mô tô này kèm theo đăng ký xe mô tô.

Đối với anh Trịnh Quang T2 khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98E1-341.97 không biết chiếc xe do H chiếm đoạt mà có. Việc anh T2 đồng

ý nói dối chiếc xe H cầm giá 20.000.000 đồng là do nghĩ chiếc xe là tài sản của gia đình H, anh T2 không có mục đích chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng và cũng không được hưởng lợi gì từ số tiền này, do đó không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với anh T2. Việc anh T2 nhận cầm cố xe khi không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã vi phạm điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Cơ quan điều tra đã ra chuyển tài liệu liên quan đến hành vi trên của Trịnh Quang T2 đến đội quản hành chính về trật tự xã hội Công an huyện Y để xử lý hành chính theo thẩm quyền.

Đối với anh Lê Xuân K, anh Trần Văn T3 và anh Bùi Tá P đều không biết việc Nguyễn Văn H chiếm đoạt tài sản của anh Vũ Quyết T1, không được H trao đổi, bàn bạc gì nên không có căn cứ để xử lý.

Về tiền án phí. Bị cáo bị cáo là người dân tộc Nùng sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

2. Về điều luật và hình phạt:

Áp dụng: Điểm b, Khoản 1, Điều 175; điểm h, khoản 1 điều 52, điểm s, khoản 1 điều 51, Điều 50, Điều 38 xử phạt Nguyễn Văn H 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 1 điều 174; Điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1 điều 52, Điều 38; Điều 50; Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn H 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .

Áp dụng điểm a, khoản 1 điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc H phải chấp hành hình phạt chung là 22 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 23/9/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, Điều 589 bộ luật dân sự. Buộc bị cáo H phải bồi thường cho ông Vũ Văn V số tiền 20.500.000đ (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt.

Bản án được thông qua tại phòng nghị án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại, Người liên quan.
- VKSND huyện Yên Thế.
- VKS tỉnh Bắc Giang.
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- CQĐT, CQTHAHS Công an huyện Yên Thế.
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bắc Giang.
- Công thông tin điện tử Tòa án.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỘNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà

Đinh Thị Vân Anh